

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 29
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch Danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng giám đốc
Bà Dương Thị Việt Hà	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội số 05-2012/NQ-HĐQT ngày 09/04/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

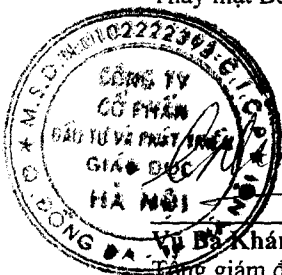
Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Vũ Bá Khánh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 10 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

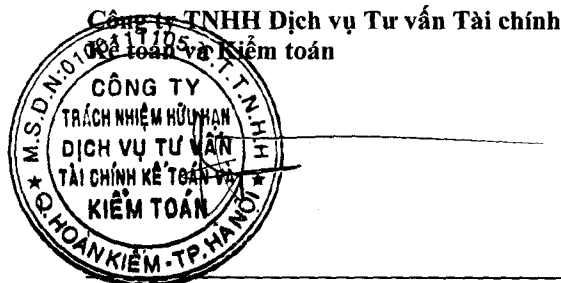
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm soát viên

Trên cơ sở công tác soát xét, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Ngọc Lân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

10/07/2012
U.V
TOA
DA
M-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2011
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		229.087.821.504	233.887.947.537
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.667.319.695	46.313.892.365
111	1. Tiền		4.667.319.695	17.313.892.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	29.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.787.826.908	3.280.175.308
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.874.036.608	3.374.036.608
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(86.209.700)	(93.861.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		108.407.056.197	41.173.101.176
131	1. Phải thu khách hàng		99.711.393.569	34.289.986.904
132	2. Trả trước cho người bán	5	5.856.374.487	8.567.557.466
135	3. Các khoản phải thu khác	6	6.765.553.644	3.109.687.962
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.926.265.503)	(4.794.131.156)
140	IV. Hàng tồn kho	7	98.697.070.787	131.614.564.175
141	1. Hàng tồn kho		104.422.057.482	138.808.548.923
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.724.986.695)	(7.193.984.748)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.528.547.917	11.506.214.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	6.158.938.684	11.007.738.775
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.768.443.998	62.271.518
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	348.386.235	93.903.220
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	252.779.000	342.301.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2011 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		121.513.085.454	8.160.435.816
220	II. Tài sản cố định		1.833.448.876	1.120.635.816
221	I. Tài sản cố định hữu hình	11	1.833.448.876	1.120.635.816
222	- Nguyên giá		5.121.755.939	3.345.881.401
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.288.307.063)	(2.225.245.585)
240	III. Bất động sản đầu tư	12	87.079.038.668	-
241	- Nguyên giá		87.958.624.916	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(879.586.248)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	8.000.000.000	7.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		8.000.000.000	7.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	39.800.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	39.800.000
269	VI. Lợi thế thương mại	14	24.560.797.910	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		350.600.906.958	242.048.383.353

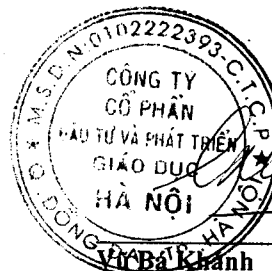
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		165.627.098.917	70.546.239.003
310	I. Nợ ngắn hạn		113.098.460.023	70.480.259.125
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	43.747.300.422	-
312	2. Phải trả người bán		35.736.994.774	41.839.062.001
313	3. Người mua trả tiền trước		5.175.591.035	2.385.118.926
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.698.914.160	6.677.363.270
315	5. Phải trả người lao động		4.350.355.954	2.552.950.551
316	6. Chi phí phải trả	17	4.719.243.917	2.563.173.201
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	4.863.288.730	14.264.802.088
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.806.771.031	197.789.088
330	II. Nợ dài hạn		52.528.638.894	65.979.878
333	1. Phải trả dài hạn khác		425.727.000	-
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	52.000.000.000	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		102.911.894	65.979.878
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.973.808.041	171.502.144.350
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	184.973.808.041	171.502.144.350
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.357.210.000)	(3.401.210.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.118.859.101	3.921.741.838
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		10.595.660.942	8.150.159.024
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.603.518.211	4.075.079.512
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.012.979.787	8.756.373.976
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		350.600.906.958	242.048.383.353



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Bà Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012

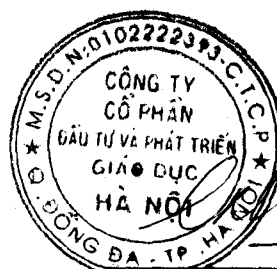
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	196.065.096.879	173.979.613.923
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	793.992.064	400.827.009
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	195.271.104.815	173.578.786.914
11	4. Giá vốn hàng bán	24	147.354.505.333	132.544.565.243
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.916.599.482	41.034.221.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.297.082.854	2.513.883.982
22	7. Chi phí tài chính	26	5.566.585.434	2.345.041.150
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.549.371.958	2.013.380.410
24	8. Chi phí bán hàng		12.118.384.362	9.508.784.393
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.718.368.559	7.509.574.683
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.810.343.981	24.184.705.427
31	11. Thu nhập khác		(6.572.950)	420.374
40	13. Lợi nhuận khác		(6.572.950)	420.374
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.803.771.031	24.185.125.801
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.790.791.244	6.059.198.118
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.012.979.787	18.125.927.683
61	18. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công		18.012.979.787	18.125.927.683
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.239	1.208



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



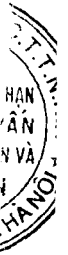
Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		151.599.156.070	88.796.537.383
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(135.852.813.310)	(144.797.545.936)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.703.499.438)	(7.762.984.732)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.549.371.958)	(2.013.380.410)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(865.588.161)	(2.979.471.756)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.409.558.089	1.946.347.917
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.486.132.557)	(3.575.839.127)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		551.308.735	(70.386.336.661)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(25.088.181)	(38.918.182)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.500.000.000)	(13.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	13.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		(125.946.979.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.297.082.854	2.570.335.595
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(124.174.984.327)	2.531.417.413
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		156.436.173.830	80.919.357.669
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(60.688.873.408)	(31.638.216.893)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.814.197.500)	(9.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		81.977.102.922	40.281.140.776



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
(tiếp theo)

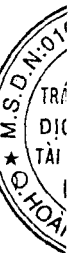
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(41.646.572.670)	(27.573.778.472)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.313.892.365	30.312.488.032
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.667.319.695</u>	<u>2.738.709.560</u>

(*) Bao gồm khoản chi đầu tư mua Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công với số tiền là 124.946.979.000 đồng.

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Vũ Bộ Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 đồng. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	K3B, Ngõ 6A, Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành bộ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

111
CÔNG
NHẬN
VỤ T
HÌNH KÊ
TÊN T
KIỂM-

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất tổng hợp được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kèm theo phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài

05-C.
TY
HỮU HẠN
VĂN
DÂN VÀ
AN
P.HAT

sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

2.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Công ty thực hiện phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ theo giá trị Nguyên vật liệu, Hàng hóa, Thành phẩm tồn kho tại thời điểm cuối tháng. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ tại 30/06/2012 là 4.285.105.412 VND (Thuyết minh số 8).

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí bảo hiểm tài sản;
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi;
- Các chi phí hoạt động gắn liền với hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

1121 2012.06.16

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	919.380.396	509.479.394
Tiền gửi ngân hàng	3.747.939.299	16.804.412.971
Các khoản tương đương tiền	-	29.000.000.000
	4.667.319.695	46.313.892.365

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽¹⁾	2.755.260.208	3.255.260.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(86.209.700)	(93.861.300)
	2.787.826.908	3.280.175.308

⁽¹⁾ Là khoản cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn theo hợp đồng số 03/2012/PL-HĐVV ngày 01/06/2012 với lãi suất cho vay là 13,5%/năm. Số dư của hợp đồng vay này tại thời điểm 30/06/2012 là 2.755.260.208 đồng.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Số dư trả trước cho người bán tại thời điểm 30/06/2012 là 5.856.374.487 đồng. Trong đó, Công ty đã ứng trước cho người bán là 4.500.000.000 đồng từ năm 2007 để mua Bất động sản tại Lô A2- ĐN1 Nguyễn Khánh Toàn, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên chưa thực hiện ghi nhận là Tài sản cố định.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	6.765.553.644	3.109.687.962
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội ⁽¹⁾	1.723.950.000	2.040.511.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK ⁽²⁾	300.000.000	300.000.000
- Phải thu Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	4.036.338.735	-
- Phải thu các đối tượng khác	705.264.909	769.176.962
	6.765.553.644	3.109.687.962

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m².
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.

- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng. Tính đến thời điểm 30/06/2012 Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn theo cam kết tại hợp đồng này.

Ngoài ra, Công ty đã chuyển vốn góp bổ sung 125.011.000 đồng theo yêu cầu của Dự án để phục vụ các hạng mục: Nạo vét hệ thống thoát nước và Xây lắp cống ga, tiêu nước, sân nền kênh mương thoát nước theo yêu cầu tại Công văn số 1477/NXBGDVN ngày 30/08/2010.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.942.985.536	93.686.310.034
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.651.638.502	7.283.417.944
Thành phẩm	40.901.590.198	23.285.316.342
Hàng hoá	7.386.854.094	11.787.817.677
Hàng gửi đi bán	1.538.989.152	2.765.686.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.724.986.695)	(7.193.984.748)
	98.697.070.787	131.614.564.175

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	4.285.105.412	7.037.858.693
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	917.311.007	170.038.552
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	956.522.265	3.799.841.530
	6.158.938.684	11.007.738.775

⁽¹⁾Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, Thành phẩm, Hàng hóa, Giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm cuối tháng.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	348.386.235	90.903.220
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	3.000.000
	348.386.235	93.903.220

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	252.779.000	342.301.000
	252.779.000	342.301.000

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu kỳ	-	2.804.106.753	541.774.648	3.345.881.401
Số tăng trong kỳ	89.709.411.273	-	36.578.181	89.745.989.454
- Mua trong kỳ	-	-	25.088.181	25.088.181
- Phân loại lại hạng mục tài sản	-	-	11.490.000	11.490.000
- Tăng khác ⁽¹⁾	89.709.411.273	-	-	89.709.411.273
Số giảm trong kỳ	(87.958.624.916)	(11.490.000)	-	(87.970.114.916)
- Phân loại lại hạng mục tài sản	-	(11.490.000)	-	(11.490.000)
- Giảm do điều chuyển sang Bất động sản đầu tư	(87.958.624.916)	-	-	(87.958.624.916)
Số dư cuối kỳ	1.750.786.357	2.792.616.753	578.352.829	5.121.755.939
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu kỳ	-	1.730.304.783	494.940.802	2.225.245.585
Số tăng trong kỳ	1.681.754.985	246.210.134	14.682.607	1.942.647.726
- Khấu hao trong kỳ	916.048.464	246.210.134	14.682.607	1.176.941.205
- Tăng khác ⁽¹⁾	765.706.521	-	-	765.706.521
Số giảm trong kỳ	(879.586.248)	-	-	(879.586.248)
- Giảm do điều chuyển sang Bất động sản đầu tư	(879.586.248)	-	-	(879.586.248)
Số dư cuối kỳ	802.168.737	1.976.514.917	509.623.409	3.288.307.063
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu kỳ	-	1.073.801.970	46.833.846	1.120.635.816
Tại ngày cuối kỳ	948.617.620	816.101.836	68.729.420	1.833.448.876

⁽¹⁾ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội lập báo cáo hợp nhất, do đó số liệu tại thời điểm 01/01/2012 của Công ty con được trình bày là khoản tăng khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 449.244.739 đồng.
- Giá trị tài sản cầm cố thế chấp để đi vay: 87.959.857.253 đồng.

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ		-
Số tăng trong kỳ	87.958.624.916	87.958.624.916
- Tăng do điều chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	87.958.624.916	87.958.624.916
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	87.958.624.916	87.958.624.916
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ		-
Khấu hao trong kỳ	879.586.248	879.586.248
- Tăng do điều chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	879.586.248	879.586.248
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	879.586.248	879.586.248
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	87.079.038.668	87.079.038.668

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	8.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản GD Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3.000.000.000	3.000.000.000
- Viện Công nghệ Giáo dục	250.000.000	250.000.000
- Công ty Cổ phần Tia sáng mới	1.000.000.000	-
	8.000.000.000	7.000.000.000

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Số dư đầu kỳ	-
Số tăng trong kỳ	25.190.561.959
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(629.764.049)
	24.560.797.910

Giá trị lợi thế thương mại đang được Công ty phân bổ với thời gian là 10 năm kể từ thời điểm chính thức sở hữu Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	43.747.300.422	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	43.747.300.422	-
	43.747.300.422	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ TDMHM-HEID ngày 09/03/2011 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2011;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 31/03/2012;
- Thời hạn cho vay: Được quy định trên từng giấy nhận nợ, nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ TDMHM-HEID ngày 01/04/2012 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2012;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 01/04/2013;
- Thời hạn cho vay: Được quy định trên từng giấy nhận nợ, nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	144.384.924	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.442.274.591	6.517.071.508
Thuế thu nhập cá nhân	112.254.645	156.915.905
Các loại thuế khác	-	3.375.857
	12.698.914.160	6.677.363.270

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tăng công in	241.328.358	157.261.209
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, quản lý xuất bản	2.286.844.054	1.196.255.287
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	971.326.679	1.209.656.705
Trích trước chi phí vận chuyển	1.219.744.826	-
	4.719.243.917	2.563.173.201

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	204.263.882	111.052.802
Bảo hiểm xã hội	157.120.846	1.807.741
Bảo hiểm y tế	30.198.986	278.092
Bảo hiểm thất nghiệp	13.091.869	145.923
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.458.613.147	14.151.517.530
- Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	-	13.803.900.000
- Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010	-	10.297.500
- Phải trả Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	4.458.613.147	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	337.320.030
	4.863.288.730	14.264.802.088

19. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	52.000.000.000	-
- Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam (*)	52.000.000.000	-
	52.000.000.000	-

(*) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDTM-HEID ngày 20/04/2012, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất thả nổi;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản của bên vay vốn, bao gồm:
 - +) Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội, giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 đồng.
 - +) Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
 - +) Toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP ĐTPT Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, giá trị 110.000.000.000 đồng.
- Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2012 là: 52.000.000.000 đồng.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	(3.401.210.000)	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	8.756.373.976	171.502.144.350
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	18.012.979.787	18.012.979.787
Bán cổ phiếu quỹ	-	44.000.000	-	-	-	-	44.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	197.117.263	2.445.501.918	1.528.438.699	(4.171.057.880)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.292.658.048)	(2.292.658.048)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi của TGD tại đơn vị	-	-	-	-	-	(764.219.349)	(764.219.349)
Trích quỹ điều hành của HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(1.528.438.699)	(1.528.438.699)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	(3.357.210.000)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	18.012.979.787	184.973.808.041

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	53.390.000.000	53.390.000.000
Các cổ đông khác	96.610.000.000	96.610.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ này	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	453.400	458.400
- Cổ phiếu phổ thông	453.400	458.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.546.600	14.541.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.546.600	14.541.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

11001
CÔ
RÁCH A
DỊCH
ẢI CHÍN
KIẾ
XANKI

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	195.674.740.334	173.607.499.923
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	124.565.122.382	115.160.796.274
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	3.430.606.269	-
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	31.109.176.215	29.083.576.513
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và hàng khai thác ngoài</i>	36.569.835.468	29.363.127.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	372.114.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	381.211.818	-
Doanh thu bán hàng nội bộ	9.144.727	-
	196.065.096.879	173.979.613.923

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	616.525.723	-
Hàng bán bị trả lại	177.466.341	400.827.009
	793.992.064	400.827.009

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	194.880.748.270	173.206.672.914
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	124.383.891.779	115.160.796.274
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	3.427.642.633	-
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	30.516.183.340	28.682.749.504
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và hàng khai thác ngoài</i>	36.553.030.518	29.363.127.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	372.114.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	381.211.818	-
Doanh thu bán hàng nội bộ	9.144.727	-
	195.271.104.815	173.578.786.914

110,
G T
EM HỮ
TƯ
KẾ TO,
TOÁ
M-TP

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	146.093.707.267	132.544.565.243
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	92.779.947.055	90.543.890.222
- Giá vốn lịch Block	2.629.664.925	-
- Giá vốn sách tham khảo	17.400.797.214	15.381.257.440
- Giá vốn thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và hàng khai thác ngoài	33.283.298.073	26.619.417.581
Giá vốn của hoạt động xây lắp	1.260.798.066	-
	147.354.505.333	132.544.565.243

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.161.137.354	2.444.870.982
Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.945.500	69.013.000
	1.297.082.854	2.513.883.982

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.549.371.958	2.013.380.410
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.024.747.800	290.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.651.600)	41.641.600
Chi phí tài chính khác	117.276	19.140
	5.566.585.434	2.345.041.150

CT
HÀ
N
V
HÀNG

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.012.979.787	18.125.927.683
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.012.979.787	18.125.927.683
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.542.149	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.239	1.208

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.667.319.695	-	46.313.892.365	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.476.947.213	(3.926.265.503)	37.399.674.866	(4.794.131.156)
Các khoản cho vay	2.755.260.208	-	3.255.260.208	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(86.209.700)	118.776.400	(93.861.300)
Đầu tư dài hạn	8.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Cộng	122.018.303.516	(4.012.475.203)	94.087.603.839	(4.887.992.456)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.747.300.422	-
Phải trả người bán, phải trả khác	40.600.283.504	56.103.864.089
Chi phí phải trả	4.719.243.917	2.563.173.201
Cộng	141.066.827.843	58.667.037.290

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh

liên quan nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	43.747.300.422	52.000.000.000	-	95.747.300.422
Phải trả người bán, phải trả khác	40.600.283.504	-	-	40.600.283.504
Chi phí phải trả	4.719.243.917	-	-	4.719.243.917
Cộng	89.066.827.843	52.000.000.000	-	141.066.827.843

1117C
ĐĂNG T
NHIỆM H
VỤ TU
NH KẾ T
M TOA
KIỂM-T

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2011				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	56.103.864.089	-	-	56.103.864.089
Chi phí phải trả	2.563.173.201	-	-	2.563.173.201
Cộng	58.667.037.290	-	-	58.667.037.290

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Bà Lê Thị Bích Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012

